

Tài chính doanh nghiệp căn bản



GIỚI THIỆU MÔN HỌC

NCS.ThS. Hà Minh Phước

Giới thiệu môn học Tài Chính doanh nghiệp căn bản

- Mục tiêu
- Cung cấp kiến thức và công cụ phân tích nhằm ra các quyết định tài chính trong công ty.
- Cung cấp kiến thức làm cơ sở học các môn học sau.
- Giới thiệu cho sinh viên những khái niệm, công cụ, kỹ thuật cơ bản về tài chính doanh nghiệp.
- Giới thiệu cho sinh viên khung phân tích tài chính, cơ sở cho hoạch định chính sách và ra quyết định.
- *Kỹ năng*: có thể vận dụng kiến thức vào công tác sau khi tốt nghiệp.

Phương pháp giảng dạy

- Học viên đọc bài giảng và tài liệu học tập trước và sau khi đến lớp
- Giảng viên trình bày bài giảng và đưa ra vấn đề nghiên cứu
- Học viên tham gia thảo luận và đặt câu hỏi, giảng viên và học viên cùng thảo luận tìm giải pháp giải quyết vấn đề.

TÀI LIỆU

- *Tài liệu bắt buộc*
- Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, chủ biên TS. Phan Đình Nguyên, Trường Đại học công nghệ TP.HCM, NXB Tài chính, 2013
- Bài giảng của giảng viên.
- *Tài liệu tham khảo*
- Sách Tài chính doanh nghiệp hiện đại, GS.TS.Trần Ngọc Thơ, NXB Thống kê, 2008
- Sách Tài chính doanh nghiệp, TS. Nguyễn Minh Kiều, NXB Thống kê, 2008
- -Fundamental of Corporate Finance, Ross-Westerfield-Jordan
- - Financial Management, Brigham – Ehrhardt.

Giới thiệu môn học (tt)

- Đánh giá môn học
- Điểm quá trình kiểm tra 2 lần không thông báo trước : 30%
- Kiểm tra cuối kỳ : 70%
- Lịch học: kéo dài 15 buổi chia ra mỗi tuần 1 buổi, mỗi buổi 3 tiết

<https://sites.google.com/site/haminhphuoc08/home>

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Các khái niệm
2. Các loại hình doanh nghiệp
3. Mục tiêu của doanh nghiệp
4. Các quyết định của TCDN
5. Môi trường hoạt động của DN
6. Nội dung chính của môn TCDN

Chương 2: GIÁ TRỊ CỦA TIỀN TỆ THEO THỜI GIAN

1. Thời giá của một khoản tiền

a. Khái niệm một khoản tiền

b. Lãi gộp

c. Giá trị tương lai của một khoản tiền

d. Giá trị hiện tại của một khoản tiền

e. Xác định lãi suất và kỳ hạn

2. Thời giá của dòng tiền

a. Khái niệm dòng tiền

b. Thời giá dòng tiền đều

c. Thời giá dòng tiền không đều

3. Thời giá dòng tiền khi ghép lãi nhiều lần trong năm

4. Lãi suất danh nghĩa và lãi suất hiệu dụng

Chương 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Khái niệm
2. Các loại báo cáo tài chính
 - a. Bảng cân đối kế toán
 - b. Báo cáo kết quả kinh doanh
 - c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
3. Điều chỉnh báo cáo tài chính để phục vụ phân tích
4. EVA và MVA

CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH TỈ SỐ TÀI CHÍNH

1. Tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp
2. Các tỉ số tài chính
3. Kết hợp các tỉ số tài chính trong phân tích
4. Hạn chế của phân tích tỉ số tài chính

Chương 5: LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO

1. Khái niệm về rủi ro và lợi nhuận
2. Đo lường lợi nhuận và rủi ro
3. Thái độ với rủi ro
4. Lợi nhuận và rủi ro của danh mục đầu tư
5. Đa dạng hóa danh mục đầu tư nhằm giảm thiểu rủi ro
6. Mô hình CAPM
7. Đo lường rủi ro hệ thống
8. Lý thuyết thị trường vốn (CML)
9. Mô hình APT
10. Mô hình Fama-French

Chương 6: ĐỊNH GIÁ TRÁI PHIẾU

1. Đặc điểm trái phiếu
2. Xếp hạng trái phiếu
3. Các loại trái phiếu
4. Định giá trái phiếu
5. Lãi suất đáo hạn
6. Trái phiếu trả lãi nửa năm/lần
7. Đánh giá rủi ro của trái phiếu
4. Định giá cổ phiếu

Chương 7 : ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU

1. Đặc điểm cổ phiếu
2. Các loại cổ phiếu
3. Định giá cổ phiếu phổ thông
 - a. Phương pháp chiết khấu cổ tức
 - b. Phương pháp hệ số P/E, P/B
4. Định giá cổ phiếu ưu đãi

CHƯƠNG 8. CHI PHÍ VỐN

- 8.1. Khái niệm chi phí vốn
- 8.2. Xác định chi phí vốn thành phần
- 8.3. Chi phí vốn bình quân
- 8.4. Chi phí vốn biên

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Các khái niệm cơ bản doanh nghiệp
2. Các loại hình doanh nghiệp
3. Mục tiêu của DN
4. Các quyết định của TCDN
5. Môi trường hoạt động của DN
6. Nội dung chính của môn TCDN

1. Các khái niệm cơ bản doanh nghiệp

1.1. Khái niệm tài chính : Tài chính được biểu hiện là các phương thức chu chuyển tiền giữa các chủ thể trong nền kinh tế gồm cá nhân doanh nghiệp và chính phủ. Tài chính được sử dụng bởi một chủ thể nhất định và như vậy tài chính gồm các lĩnh vực liên quan đến chủ thể như tài chính chính phủ, tài chính cá nhân, tài chính DN

1. Các khái niệm cơ bản doanh nghiệp

. 1.2 Khái niệm doanh nghiệp

Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

1. Các khái niệm cơ bản doanh nghiệp

1.3 Khái niệm tài chính doanh nghiệp

Định nghĩa: Tài chính doanh nghiệp là quỹ tiền tệ trong quá trình tạo lập, phân phối, sử dụng và vận động gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp.

Định nghĩa: Tài chính doanh nghiệp là các quan hệ kinh tế dưới hình thức giá trị gắn liền với việc tạo lập, phân phối, sử dụng quỹ tiền tệ phát sinh trong các hoạt động của doanh nghiệp.

Hoạt động tài chính là một mặt hoạt động của doanh nghiệp

2. Các loại hình doanh nghiệp

Các loại hình doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp 2005

- Doanh nghiệp tư nhân
- Công ty hợp danh
- Công ty cổ phần
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên
- Công ty TNHH một thành viên

2. Các loại hình doanh nghiệp

Doanh nghiệp tư nhân

- Do một cá nhân làm chủ sở hữu
(1 cá nhân chỉ là chủ của 1 DNTN);
- Chủ DNTN chịu trách nhiệm trước các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của DN bằng toàn bộ tài sản của mình (TNVH);
- Không có tư cách pháp nhân; chủ DNTN là nguyên đơn, bị đơn trước Tòa án, trước trọng tài.

Ưu nhược điểm của DN tư nhân

Ưu điểm

- Đơn giản và dễ thành lập
- CP thành lập thấp
- Phù hợp quy mô nhỏ
- Chỉ chịu thuế thu nhập cá nhân
- Quyền kiểm soát công ty độc lập

Nhược điểm

- Trách nhiệm vô hạn
- Khó khăn trong HĐ vốn
- Kỹ năng quản lý hạn chế
- Cơ cấu tổ chức đơn giản
- Đời sống hữu hạn

Công ty hợp danh

- Có ít nhất 2 thành viên hợp danh là cá nhân có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp
- Thành viên hợp danh liên đới chịu TNVH
- CTy HD có thể có TV góp vốn; TV góp vốn chịu TNHH
- Thành viên hợp danh nắm quyền quản trị cty, TV góp vốn không có quyền quản trị cty
- (Luật DN 2005 quy định CTy HD có tư cách pháp nhân)
- Không được phát hành chứng khoán

Ưu nhược điểm công ty hợp doanh

Ưu điểm

- Đơn giản, dễ thành lập
- Chi phí thành lập thấp, nhưng cao hơn DNTN
- Có sẵn vốn và tín dụng
- TNHH đối với các thành viên góp vốn.

Nhược điểm

- TN vô hạn đối với các thành viên hợp danh
- Khó trong HĐ vốn nhưng dễ hơn DNTN
- Hoạt động với nhau như nhóm nên gặp khó khăn
- Khó trong chuyển dịch vốn giữa các thành viên
- Không được phát hành CK

CÔNG TY CỔ PHẦN

- Vốn điều lệ được chia thành cổ phần
- Người sở hữu cổ phần là cổ đông (thành viên công ty). Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân, tối thiểu là 3 và không hạn chế số lượng tối đa
- Chịu trách nhiệm hữu hạn
- Có tư cách pháp nhân
- Cổ đông được tự do chuyển nhượng cổ phần cho người khác, trừ một số trường hợp;
- Được phát hành cổ phần và trái phiếu.

Ưu nhược điểm Công ty cổ phần

Ưu điểm

- TN hữu hạn
- Dễ chuyển nhượng vốn góp
- Đời sống vô hạn
- Dễ tăng vốn

Nhược điểm

- Đóng thuế 2 lần
- Thành lập phức tạp và tốn kém
- Công khai các hoạt động và tài chính
- Được phát hành cổ phần và trái phiếu
- Tiềm ẩn nguy cơ mất quyền kiểm soát

CÔNG TY TNHH CÓ 2 TV TRỞ LÊN

- Thành viên là tổ chức, cá nhân với số lượng tối thiểu là 02 và tối đa là 50
- Chịu trách nhiệm hữu hạn
- Có tư cách pháp nhân
- Vốn điều lệ không chia thành cổ phần.
- Phần vốn góp của thành viên bị hạn chế chuyển nhượng ra bên ngoài
- Công ty không được phát hành cổ phần để công khai huy động vốn trong công chúng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

- Công ty có một thành viên duy nhất là tổ chức hoặc cá nhân
- Chịu trách nhiệm hữu hạn
- Có tư cách pháp nhân
- Không được phát hành cổ phần.

Ưu nhược điểm công ty TNHH

Ưu điểm

- TNHH đối với các thành viên góp vốn.
- Vốn góp có thể chuyển nhượng được
- Quyền kiểm soát công ty tương đối thuận lợi

Nhược điểm

- Số lượng thành viên hạn chế
- Vốn góp chuyển nhượng theo thứ tự ưu tiên
- Khả năng huy động còn hạn chế không được pháp hành cổ phần

3. Mục tiêu của DN

ia tăng lợi nhuận

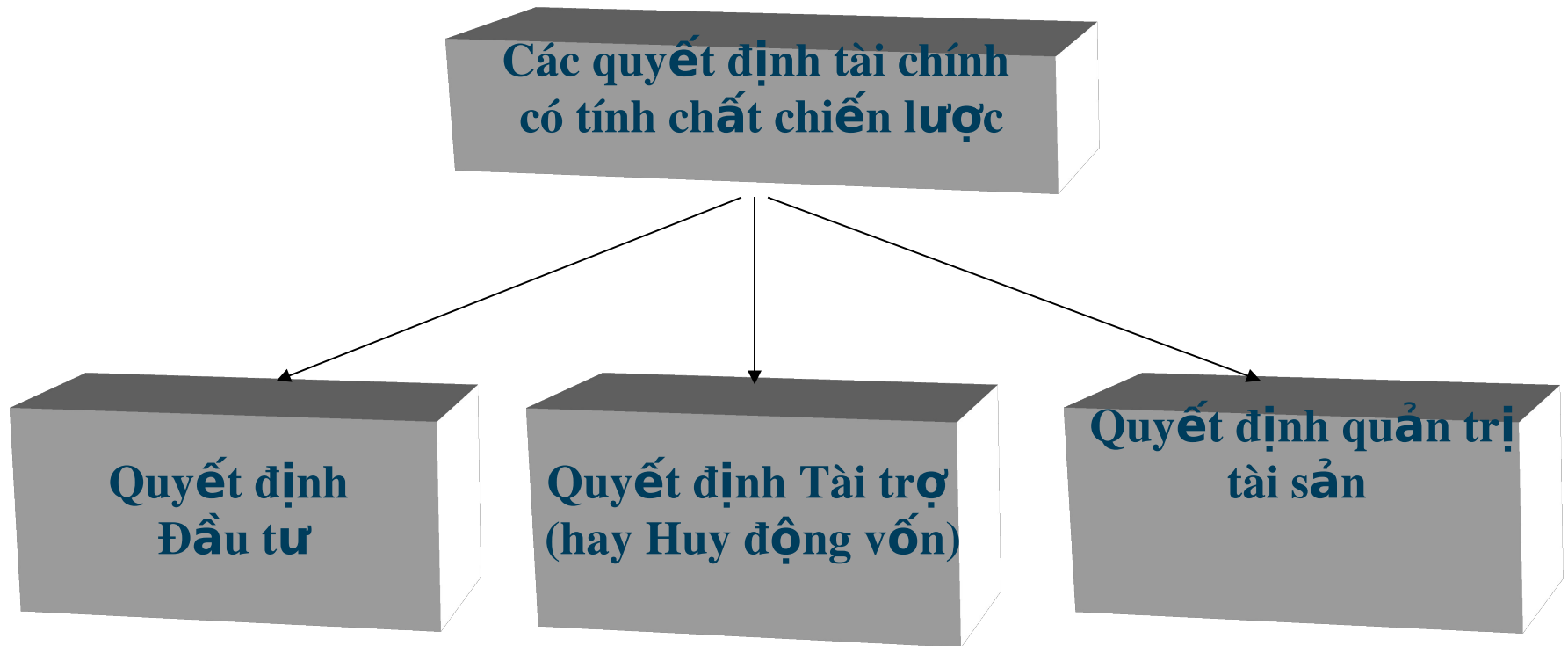
ăng doanh thu

ăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp

giảm thiểu rủi ro

ắt giảm chi phí

4. CÁC QUYẾT ĐỊNH QT TÀI CHÍNH



4. CÁC QUYẾT ĐỊNH QT TÀI CHÍNH

Quyết định đầu tư

- Quyết định xem giá trị và loại tài sản nào công ty cần đầu tư
- Quyết định mối quan hệ cân đối thích hợp giữa đầu tư tài sản lưu động và đầu tư tài sản cố định

Quyết định các nguồn tài trợ

- Quyết định xem loại nguồn vốn nào nên được sử dụng để đầu tư vào tài sản
- Quyết định quan hệ cân đối thích hợp giữa nguồn vốn ngắn hạn và nguồn vốn dài hạn, và giữa nợ và vốn chủ sở hữu
- Quyết định quan hệ cân đối giữa lợi nhuận để lại và lợi nhuận phân chia cho cổ đông

Quyết định quản trị tài sản

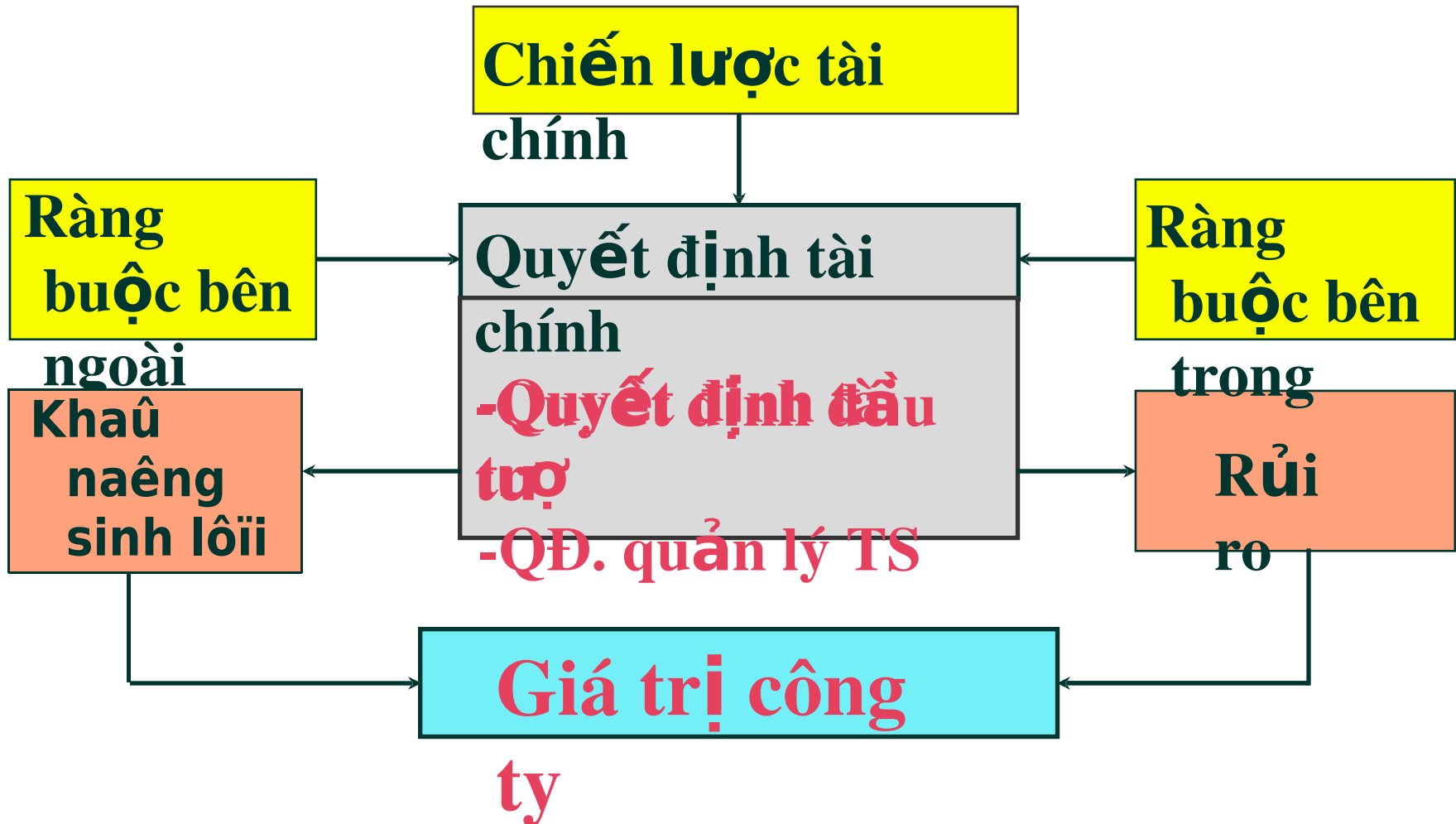
- Quyết định liên quan đến quản lý tài sản lưu động và TSCĐ

4. CÁC QUYẾT ĐỊNH QT TÀI CHÍNH

- Một quyết định là tốt khi nó tạo ra của cải cho cổ đông (làm tăng giá trị thị trường của cổ phiếu).
- Giá cổ phiếu chịu tác động của nhiều yếu tố, không chỉ là sự phản ứng của thị trường đối với các quyết định của nhà quản trị tài chính.
- Quyết định sẽ tác động tới giá cổ phiếu như thế nào nếu các yếu tố khác không thay đổi?

4. CÁC QUYẾT ĐỊNH QT TÀI CHÍNH

Mối quan hệ giữa quyết định tài chính và giá trị DN



5. Môi trường hoạt động của DN

4.1 Môi trường thuế

Khoản mục	A	B	C
LN trước khấu hao lãi vay và thuế	500.000	500.000	500.000
Chi phí khấu hao	-	100.000	200.000
Lợi nhuận trước thuế	500.000	400.000	300.000
Thuế thu nhập DN 25%	125.000	100.000	75.000
Lợi nhuận sau thuế	375.000	300.000	225.000
Lợi nhuận thuần	375.000	400.000	425.000

5. Môi trường hoạt động của DN

4.1 Môi trường thuế

Khoản mục	A	B	C
LN trước lãi vay và thuế	500.000	500.000	500.000
Chi phí lãi vay	-	100.000	200.000
Lợi nhuận trước thuế	500.000	400.000	300.000
Thuế thu nhập DN 25%	125.000	100.000	75.000
Lợi nhuận sau thuế	375.000	300.000	225.000
Lợi nhuận dành cho CSH và chủ nợ	375.000	400.000	425.000
Mức tiết kiệm thuế	0	25.000	50.000
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ	9.375%	10%	11.25%

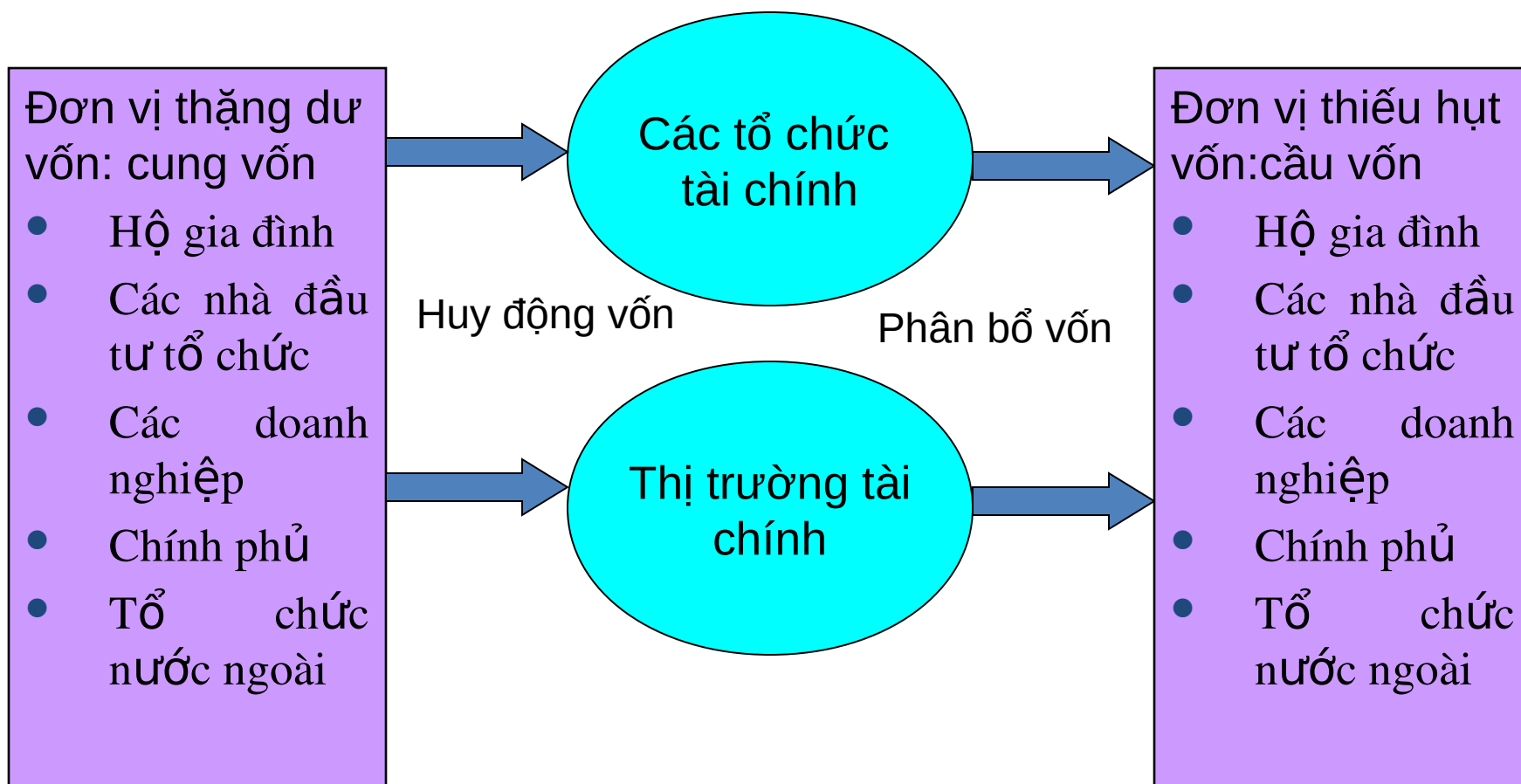
5. Môi trường hoạt động của DN

4.2. Môi trường tài chính

- Các thị trường
 - Thị trường tiền tệ và thị trường vốn
 - Thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp
- Các định chế tài chính
 - Thị trường không hoàn hảo và sự tồn tại của các trung gian tài chính
 - Các loại định chế tài chính
- Các công cụ tài chính

5. Môi trường hoạt động của DN

hệ thống tài chính



5. Môi trường hoạt động của DN

Hệ thống tài chính

Quan hệ giữa công ty với hệ thống tài chính

Các bộ phận cấu thành hệ thống tài chính

Thị trường tài chính

Các tổ chức tài chính

Các công cụ tài chính

Thị trường tài chính

Thị trường tài chính là thị trường diễn ra các giao dịch tài sản tài chính

Tài sản tài chính là gì? Tài sản là gì? Tài sản hữu hình VS tài sản vô hình?

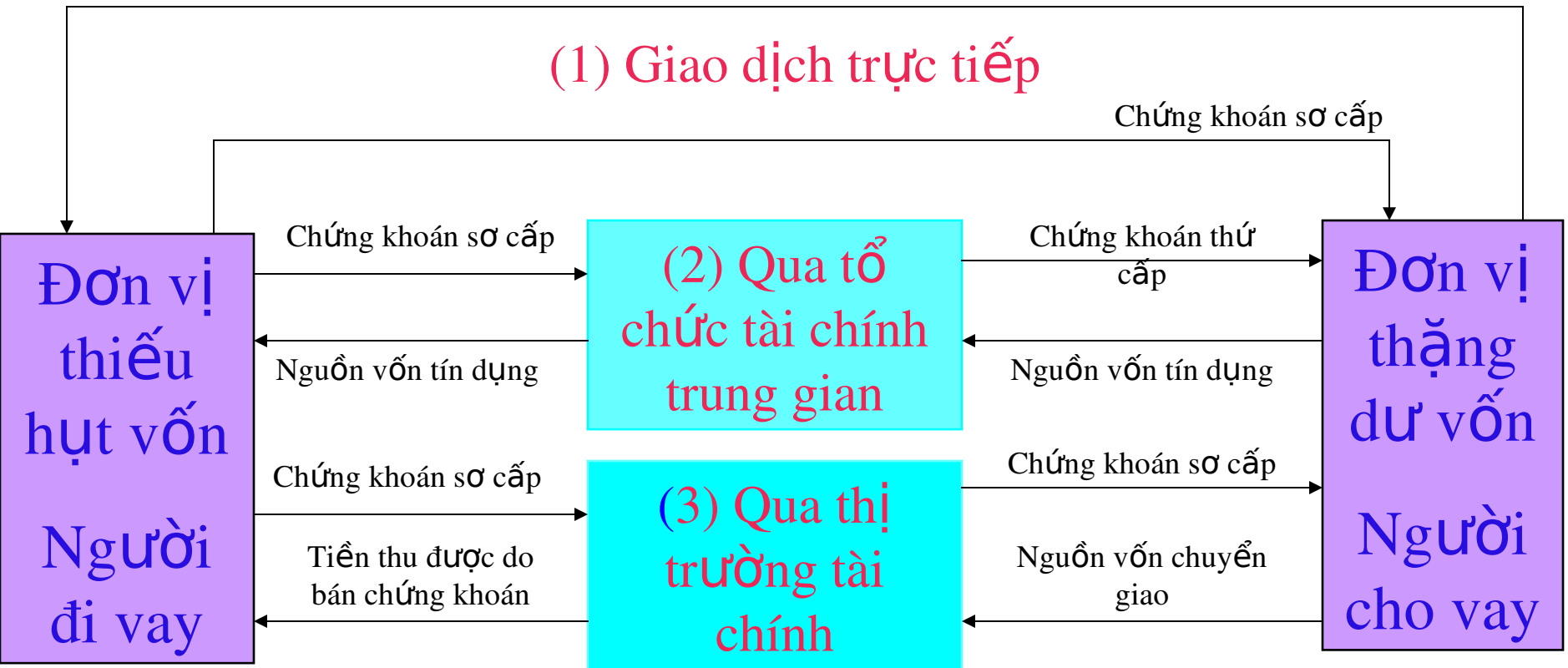
- Tài sản là bất kỳ vật sở hữu nào có giá trị trong trao đổi. Tài sản nói chung có thể chia thành: tài sản hữu hình và tài sản vô hình
- Tài sản hữu hình là tài sản mà giá trị của nó tùy thuộc vào những thuộc tính vật lý cụ thể của nó (Nhà xưởng, đất đai, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu)
- Tài sản vô hình là tài sản đại diện cho những trái quyền hợp pháp đối với lợi ích trong tương lai, giá trị của nó không có liên hệ gì với hình thức vật lý ở đó trái quyền được ghi nhận
- Tài sản tài chính là một loại tài sản vô hình

Một số ví dụ cụ thể về tài sản tài chính

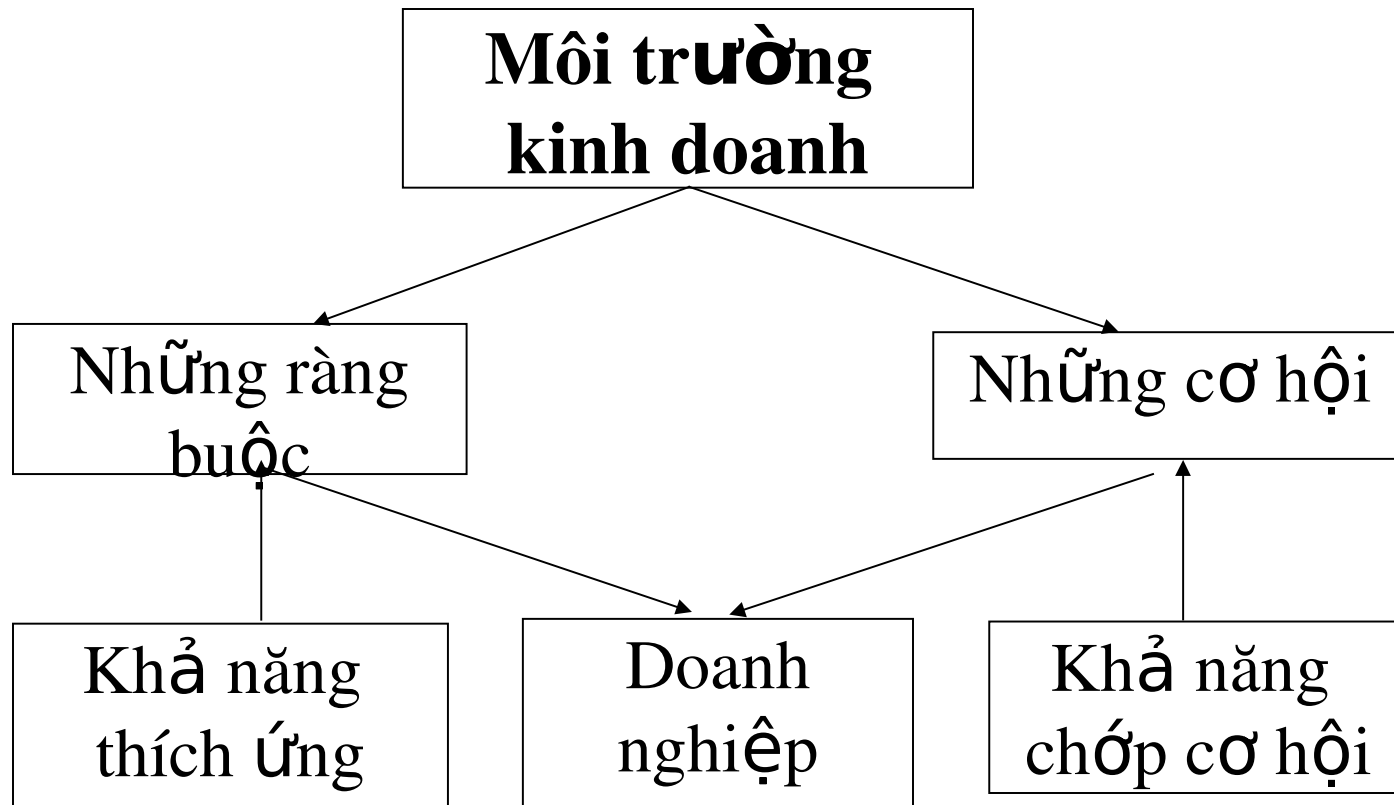
- Trái phiếu do chính phủ phát hành (Gov. bond)
- Trái phiếu do NHĐTPTVN (BIDV) phát hành
- Cổ phiếu REE, SAM, CAN, HAP,..
- Cổ phiếu của công ty Kinh Đô
- Kỳ phiếu do NH phát triển nhà phát hành
- Hợp đồng quyền chọn
- Chứng chỉ tiền gửi (CD)
- Tín phiếu kho bạc
- Thương phiếu
- Sổ tiền gửi tiết kiệm ngân hàng
- ...

Các loại giao dịch tài chính

Nguồn vốn chuyển giao



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH



Những môi trường chủ yếu nào hợp thành môi trường kinh doanh của DN?

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Các môi trường chủ yếu hợp thành môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến TCDN

1. Môi trường kinh tế - tài chính
 2. Môi trường pháp lý
 3. Môi trường văn hóa
 4. Môi trường xã hội
 5. Môi trường công nghệ và thông tin
 6. Môi trường chính trị
 7. Môi trường sinh thái
 8. Môi trường quốc tế
- V.V...